

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2025/DS-PT
Ngày: 31-7- 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59a/2025/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức (Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 316/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phạm Thị Ánh H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số D, ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp F, xã L, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Bích N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã P, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Lê Hồng H1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số B, Ấp F, xã L, tỉnh Tây Ninh.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Huỳnh Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2024 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh H trình bày:

Ngày 24/02/2023, bà Phạm Thị Ánh H cho ông Huỳnh Văn P vay số tiền 650.000.000đồng, hai bên có lập giấy cho mượn tiền đề ngày 24/02/2023, thời hạn vay là 03 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 24/5/2023, lãi suất thỏa thuận là 1,66%/tháng. Trong giấy vay tiền có chữ ký người làm chứng là bà Huỳnh Thị Bích N. Để đảm bảo cho khoản tiền vay, ông P thế chấp cho bà H quyền sử dụng các thửa đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 480431 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/8/2022 thửa đất số 22, tờ bản đồ số 31, diện tích 330,3m², loại đất trồng cây lâu năm và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 480429 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/8/2022 thửa đất số 114, tờ bản đồ số 31, diện tích 200m², loại đất ở nông thôn, hai thửa đất cùng tọa lạc tại Ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Do ông P không trả tiền nợ gốc và lãi cho bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Huỳnh Văn P có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Ánh H số tiền gốc 650.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/02/2023 đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 20%/năm do pháp luật quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H rút lại một phần yêu cầu về lãi suất, yêu cầu ông P trả lãi với mức lãi suất 10%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm. Đối với việc thế chấp quyền sử dụng đất, bà H không yêu cầu gì trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Huỳnh Văn P trình bày:

Trước đây, em ruột ông là bà Huỳnh Thị Bích N có vay tiền của bà H nhiều lần, đến ngày 24/02/2023 tổng kết tiền lãi và tiền gốc hai bên lập hợp đồng vay số tiền là 650.000.000đồng, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 24/02/2023 đến ngày 24/5/2023, ông là người ký giấy nhận nợ. Trong hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế lãi suất dao động từ 4% đến tháng 12% tháng, ông không nhớ đã trả được bao nhiêu tiền lãi. Thực tế, số tiền này do em ruột ông là bà N vay, ông P có tài sản nên ký thế chấp nhận nợ thay cho bà N. Bà N là người sử dụng số tiền này, ông P không nhận tiền và bà N cũng là người đứng ra trả nợ cho bà H.

Từ khi vay đến nay do hoàn cảnh khó khăn nên bà N chưa trả tiền gốc cho bà H. Chữ ký trong giấy cho mượn tiền là chữ ký của ông P. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông P thế chấp cho bà H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 480429 và DG 480431 ngày 22/8/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn P và đồng sở hữu là bà Lê Hồng H1 đối với thửa 114 và thửa 22, tờ bản đồ số 31, đất tọa lạc tại Ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Khi ký giấy cho mượn tiền ngày 24/02/2023, bà H hứa sẽ nhận chuyển nhượng 02 thửa đất trên nhưng sau đó bà H không ra Văn phòng công chứng để làm thủ tục sang tên. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H, ông P đồng ý trả lại cho bà H số tiền gốc vay, không đồng ý trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Bích N trình bày:

Trước đây, ông P có vay của bà H nhiều lần. Sau đó, tổng kết tiền lãi và tiền gốc lại thì ngày 24/02/2023, ông P ký giấy nhận nợ với số tiền là 650.000.000 đồng theo giấy cho mượn tiền ngày 24/02/2023. Trong hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên, lãi suất vay dao động từ 4% đến tháng 12%/ tháng. Hiện tại không nhớ đã trả được bao nhiêu tiền lãi. Thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 24/02/2023 đến ngày 24/5/2023. Thực tế, số tiền này do bà N vay, ông P có tài sản nên ký thế chấp nên nhận nợ thay cho bà N.

Từ khi vay đến nay do hoàn cảnh khó khăn nên bà N chưa trả tiền gốc cho bà H. Khi vay tiền bà N ký tên người làm chứng. Ông P là người ký tên với vai trò là người vay tiền. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông P có thế chấp cho bà H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 480429 và DG 480431 ngày 22/8/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn P và đồng sở hữu là bà Lê Hồng H1 đối với thửa 114 và thửa 22, tờ bản đồ số 31, đất tọa lạc tại Ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Khi ký giấy cho mượn tiền ngày 24/02/2023 thì bà H hứa sẽ nhận chuyển nhượng 02 thửa đất trên nhưng sau đó bà H không ra Văn phòng công chứng để làm thủ tục sang tên nên đến nay ông P vẫn chưa trả nợ được cho bà H.

Trong vụ án này, bà H không có khởi kiện yêu cầu gì đối với bà N nên bà N cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng H1 trình bày:

Bà H1 là em dâu của ông Huỳnh Văn P. Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 31, tại Ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Long An do bà H1 và ông P cùng đứng tên đồng sở hữu. Nguồn gốc thửa đất là của mẹ chồng bà H1 để lại cho ông P và chồng bà H1 tên Huỳnh Thanh S. Năm 2014 ông Huỳnh Thanh S chết, gia đình làm thủ tục để bà H1 thay ông Huỳnh Thanh S đứng đồng sở hữu với ông P thửa đất trên. Từ trước đến nay bà H1 ở trên đất, quản lý sử dụng ổn định. Việc bà Phạm Thị Ánh H khởi kiện ông P liên quan đến hợp đồng vay, không liên quan đến bà H1, đây là giao dịch của riêng ông P.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59a/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Tây Ninh) đã căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466, 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 16, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Huỳnh Văn P.

Buộc ông Huỳnh Văn P trả cho bà Phạm Thị Ánh H số tiền tổng cộng 790.402.968đồng (bảy trăm chín mươi triệu bốn trăm linh hai nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng), trong đó gốc là 650.000.000đồng (sáu trăm năm mươi triệu), lãi là 140.402.968đồng (một trăm bốn mươi triệu bốn trăm linh hai nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn P được miễn án phí. Bà Phạm Thị Ánh H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.826.500đồng theo biên lai thu số 0007759 ngày 09/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/5/2025, bị đơn ông Huỳnh Văn P làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu trả lãi của bà Phạm Thị Ánh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau, nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh H không rút đơn khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông P, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Huỳnh Văn P vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt, trình bày cho rằng, ông có ký tên vay số tiền 650.000.000đồng của bà H thay cho em ruột ông là bà Huỳnh Thị Bích N do bà N không có khả năng chi trả, sau đó ông có gặp bà H thương lượng, ông sẽ chuyển nhượng cho bà H thửa đất số 22 tờ bản đồ số 31 với giá 950.000.000đồng, bà H sẽ thanh toán số tiền 950.000.000đồng bằng hình thức cân trừ số nợ 650.000.000đồng, còn lại 300.000.000đồng bà H sẽ thanh toán tiếp cho ông, tuy nhiên sau đó bà H thay đổi ý kiến. Do bà H là người thay đổi thoả thuận làm cho giao dịch vô hiệu nên về nguyên tắc các bên hoàn trả những gì đã nhận, ông chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền đã vay không đồng ý trả tiền lãi, ông yêu cầu Toà án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà H phải giao trả lại cho ông 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Bích N trình bày cho rằng, số tiền 650.000.000đồng là do ông P vay tiền dùm cho bà N, bà N đồng ý trả số tiền 650.000.000đồng cho bà H nhưng không đồng ý trả tiền lãi và xin trả dần cho bà H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng H1 trình bày, bà H1 đứng tên đồng sử dụng các thửa đất số 22 và thửa đất số 114 cùng tờ bản đồ số 31 với ông P, bà H1 không biết thoả thuận giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông P và bà H, chỉ đến khi có tranh chấp đến Toà án thì bà H1 mới biết, bà H1 không đồng ý với các giao dịch có ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H1.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn P trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Kiểm sát viên phân tích các căn cứ cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn P về việc không đồng ý trả tiền lãi, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn P làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự tham gia tố tụng của các đương sự: bị đơn ông Huỳnh Văn P vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh H khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn P trả số tiền vay 650.000.000đồng và trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền vay 650.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh H, buộc ông Huỳnh Văn P trả cho bà Phạm Thị Ánh H 650.000.000đồng tiền vay và 140.402.968đồng tiền lãi, nên ông Huỳnh Văn P kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn P thấy rằng:

[4.1] Căn cứ vào giấy tay vay tiền ngày 24/02/2023 thì bà Phạm Thị Ánh H có cho ông Huỳnh Văn P vay số tiền 650.000.000đồng, thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày 24/02/2023 đến ngày 24/5/2023. Trong giấy tay vay tiền, bên vay tiền là ông Huỳnh Văn P, người chứng kiến là bà Huỳnh Thị Bích N. Bà N và ông P cùng trình bày cho rằng, bà N là người vay tiền, còn ông P chỉ là người đứng ra bảo lãnh vay tiền đồng thời có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà N đồng ý trả số tiền vay 650.000.000đồng và xin trả dần nhưng không được bà H đồng ý, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông P là người đứng ra vay tiền đồng thời buộc ông P hoàn trả số tiền đã vay 650.000.000 đồng là có căn cứ. Ông P kháng cáo nhưng cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh, nên cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[4.2] Về lãi suất vay: trong nội dung giấy cho mượn tiền ngày 24/02/2023 không thể hiện lãi suất cho vay nhưng các bên thừa nhận rằng, việc vay tiền là có lãi và do các bên không thống nhất mức lãi suất vay nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để xác định mức lãi suất cho vay 10%/năm là có căn cứ. Ông Huỳnh Văn P kháng cáo cho rằng, do các bên đã thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để cản trừ số nợ nhưng do bà H thay đổi thỏa thuận nên thỏa thuận chuyển nhượng vô hiệu, ông P chỉ hoàn trả cho bà H số tiền đã vay, không phải chịu tiền lãi, tuy nhiên ông P không đưa ra chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận cản trừ số tiền vay vào tiền thanh toán cho hợp

đồng chuyển nhượng. Trong khi đó các thửa đất số 22 và 114 cùng tờ bản đồ số 31 ông P đồng đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất với bà Lê Hồng H1, bà H1 không biết việc chuyển nhượng, vì vậy cũng không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P về việc không trả tiền lãi vay.

[4.3] Tại phiên toà phúc thẩm, ông P và bà N yêu cầu Toà án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho ông P 2 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H đang giữ, tuy nhiên các vấn đề này Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét nên Toà án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[5] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí phúc thẩm: ông P kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, tuy nhiên ông P là người cao tuổi và là người khuyết tật, có đơn xin miễn án phí nên xem xét cho ông P được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59a/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Tòa án nhân dân khu vực 4- Tây Ninh).

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 39, Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, 16, 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Huỳnh Văn P.

Buộc ông Huỳnh Văn P trả cho bà Phạm Thị Ánh H số tiền 790.402.968đồng (bảy trăm chín mươi triệu bốn trăm linh hai nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là 650.000.000đồng (sáu trăm năm mươi triệu), và tiền lãi là 140.402.968đồng (một trăm bốn mươi triệu bốn trăm linh hai nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Miễn án phí cho ông Huỳnh Văn P.

Bà Phạm Thị Ánh H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H tạm ứng án phí đã nộp là 18.826.500 đồng theo Biên lai thu số 0007759 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Tây Ninh).

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 4 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Phúc – Huỳnh Hữu Nghĩa

Lê Thị Kim Nga